TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST
Ngày: 17-9-2020
V/v "tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Cương
Ông Lữ Minh Luân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Hồ Văn G - Sinh năm 1955 - Địa chỉ: Khu vực 2, thị trấn H, huyện Đ1, tỉnh L (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông* Hồ Văn G*:* Luật sư Ngô Tấn Thành - Văn phòng luật sư Minh Tấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (Có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị D - Sinh năm 1943 - Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị D: Bà Huỳnh Thị D1 - Sinh năm 1947 - Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ1, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 20-5-2019. Có mặt)

3. Bà Huỳnh Thị D1 - Sinh năm 1947 - Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ1, tỉnh L (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Hồ Văn T - Sinh năm 1958 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Văn T: bà Phạm Thị T1 - Sinh năm 1956; ông Hồ Thanh T2 - Sinh năm 1977; ông Hồ Văn T3 - Sinh năm 1978; ông Hồ Thanh T4 - Sinh năm 1980; bà Hồ Ngọc T5 - Sinh năm 1984 - Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T1 - Sinh năm 1958 - Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị G1 - Sinh năm 1955 - Địa chỉ: Khu vực 2, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. Ông Hồ Thanh T2 - Sinh năm 1977

4. Ông Hồ Văn T3 - Sinh năm 1978

5. Ông Hồ Thanh T4 - Sinh năm 1980

6. Bà Hồ Ngọc T5 - Sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của ông T2, ông T3, ông T4, bà T5: bà Phạm Thị T1 - Sinh năm 1956 - Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L (văn bản ủy quyền ngày 16-7-2020, có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của* bà Phạm Thị T1, ông Hồ Thanh T2, ông Hồ Văn T3, ông Hồ Thanh T4, bà Hồ Ngọc T5: luật sư Nguyễn Thị Chân Lý - Công ty Luật hợp danh Hùng Cường thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (Có mặt).

7. Ủy ban nhân dân huyện Đ - Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn X, huyện Đ, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 16-5-2018, ngày 10-5-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hồ Văn G trình bày*:

Năm 1976, mẹ ông là cụ Trịnh Thị Y có cho ông một phần đất diện tích khoảng 521m^2 (đo đạc thực tế là 479m^2) thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 03 tại ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An để cất nhà ở riêng. Năm 1976, ông có cất nhà và trồng cây ăn trái trên đất đến năm 1991, do hoàn cảnh khó khăn nên gia đình ông về sinh sống tại khu vực 2, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long

An đến nay. Trong thời gian ông G sống ở Hiệp Hòa thì ông Hồ Văn T đã đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất mà ông được cụ Y cho. Năm 2015, ông G về lại phần đất của cụ Y đã cho ông để làm nền nhà. Ông T nói ông cứ đổ đất đắp nền nhà, ông T sẽ tách thửa cho ông sau nên ông G đã tiến hành đổ đất để đắp nền nhà. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông T tách thửa trả lại đất cho ông nhưng ông T không thực hiện. Ông G yêu cầu ông T trả lại diện tích 479 m^2 thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 3 xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- *Nguyên đơn bà Huỳnh Thị D1 đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị D trình bày và yêu cầu:*

Diện tích 2.140 m^2 thửa đất số 01, tờ bản đồ số 3 xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An có nguồn gốc của cụ Trịnh Thị Y (mẹ ruột ông G, ông T, bà D, bà D1). Năm 1976, cụ Y cho bà D1, bà D mỗi người 300 m^2 đất thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 03 tại ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Khi cho không làm giấy tờ gì. Bà D1, bà D cũng chưa nhận đất trên thực tế và không sử dụng diện tích đất được cho. Vì bà D, bà D có chồng sống ở xa nên ông T đã đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất của cụ Y cho bà D1, bà D. Bà D1 yêu cầu ông T tách thửa trả cho bà D 263m^2, tách thửa trả bà D1 249 m^2, thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 03 tại ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Bị đơn ông Hồ Văn T đã trình bày:

Ông T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Về nguồn gốc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 3, xã Mỹ Thạnh Đông không phải của mẹ ông là cụ Trịnh Thị Y để lại mà do ông cùng vợ là bà Phạm Thị T1 khai hoang từ sau năm 1975 và sử ổn định đến nay. Năm 1999, ông được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Đức Huệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N393483 ngày 01-3-1999. Sau năm 1975, cụ Y đã lớn tuổi và bị bệnh suyễn nên không thể phụ giúp ông khai hoang đất. Khi ông cưới bà T1 thì ông và bà T1 tiếp tục khai hoang đất sinh sống ổn định cho đến nay. Ông G tự ý đổ đất đắp nền nhà trên đất của ông, ông không ngăn cản được.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị G1: thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông G, không bổ sung thêm vấn đề gì khác.

Bà Phạm Thị T1: thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông T, không bổ sung thêm vấn đề gì khác.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm lần 1 theo bản án số 21/2018/DS-ST ngày 15-11-2018, đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G, bà D và bà D1 khởi kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với ông T.

Ông G, bà D, bà D1 kháng cáo. Vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Theo bản án số 48/2019/DS-PT ngày 04-3-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã quyết định: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 15-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ giải quyết theo thủ tục chung.

Ngày 25-4-2019, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý lại vụ án. Các nguyên đơn Hồ Văn G, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị D1 vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 16-5-2018. Bị đơn Hồ Văn T bảo lưu nội dung đã trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G, bà D, bà D1. Ông T thừa nhận biên bản thỏa thuận ngày 22-8-2015 ông có ký tên nhưng lúc đó thì đồng ý cho ông G đất, sau này không đồng ý cho đất nữa. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T1, Nguyễn Thị G1 cũng bảo lưu nội dung đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T cũng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Phạm Thị T1, ông Hồ Thanh T2, ông Hồ Văn T3, ông Hồ Thanh T4, bà Hồ Ngọc T5 trình bày: thống nhất với lời khai của ông T khi còn sống, không bổ sung gì thêm, không đồng ý toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông G, bà D, bà D1 đối với ông T. Bà T1, ông T2, ông T3, bà T4, bà T5 không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ủy ban nhân dân huyện Đ không cử người tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Văn bản số 949/UBND-TNMT ngày 24-3-2020 đã xác định: Thửa số 1, tờ bản đồ số 3 xã Mỹ Thạnh Đông và diện tích đất tranh chấp (khu A, C, C) có nguồn gốc từ cụ Trịnh Thị Y là mẹ ruột của ông G, ông T, bà D1, bà D, theo tờ bản đồ 299 là thửa 694, 695 tờ bản đồ số 3 xã Mỹ Thạnh Đông. Cụ Y có cho ông G cất nhà ở một phần từ năm 1976 đến năm 1991 thì cháy nhà 02 lần nên ông chuyển đến thị trấn Hiệp Hòa sinh sống. Năm 1997, ông T xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 16 thửa trong đó có thửa số 1, tờ bản đồ số 3 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là cấp lần đầu, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không kiểm tra thực tế, không đo đạc chỉ căn cứ vào bản đồ số hóa và đề nghị của UBND xã để ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa 694 tờ bản đồ số 3 là một phần thửa số 1 và số 2 xã Mỹ Thạnh Đông, trùng với diện tích đất đang tranh chấp là khu C và khu D.

Tại phiên tòa:

Ông Hồ Văn G và bà Phạm Thị T1 (đồng thời đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T) thống nhất trình bày: đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung hai bên thỏa thuận cụ thể như sau: Ông G rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với

diện tích đất 92 m^2 (ngang 4 m x dài hết chiều dài diện tích đất tranh chấp) trong tổng diện tích đất tranh chấp. Bà T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T gồm ông T2, ông T3, ông T4 và bà T5 đồng ý giao cho ông G diện tích 387m^2 (khu A) của Mãnh trích đo địa chính số 44-2020 ngày 31-10-2019 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 14-01-2020 (sau đây gọi tắt là Mãnh trích đo địa chính 44-2020). Ông G tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng đối với phần diện tích đất ông G tranh chấp với ông T.

Bà Huỳnh Thị D1 rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Hồ Văn T về diện tích 265m^2 (khu C của Mãnh trích đo địa chính 44-2020).

Bà Huỳnh Thị D (do bà D1 đại diện) rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Hồ Văn T về diện tích 186m^2 (khu D của Mãnh trích đo địa chính 44-2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Văn G trình bày: ông G chỉ yêu cầu diện tích đất 387m^2 theo diện tích đo đạc thực tế, ông G và bà T1 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung mà ông G khởi kiện ông T và đồng ý chịu tiền tạm ứng chi phí tố tụng, án phí đối với phần đất ông G khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1, ông T3, ông T2, ông T4, bà T5 trình bày: bà T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T vẫn bảo lưu nội dung trình bày về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông T và bà T1 khai hoang. Vì điều kiện hiện nay của ông G quá khó khăn nên bà T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T đồng ý cho ông G diện tích 387m^2 (khu A) của Mãnh trích đo địa chính số 44-2020. Như vậy là các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung mà ông G khởi kiện. Ông G đồng ý chịu tiền tạm ứng chi phí tố tụng và án phí đối với phần đất ông G khởi kiện ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà D1, bà D rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D1, bà D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị G1: thống nhất theo nội dung đơn khởi kiện của ông G, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa, ông G và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà D1 và bà D rút đơn khởi kiện đối với ông T nên đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D1 và bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Hồ Văn G, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị D1 khởi kiện ông Hồ Văn T tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Vụ việc đã được hòa giải tại UBND xã Mỹ Thạnh Đông nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp quyền sử dụng đất", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ theo khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[3]. Tại phiên tòa, nguyên đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Đức Huệ vắng mặt tại phiên tòa nên để đảm bảo quyền kháng cáo cho các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà vẫn tiến hành xét xử và ban hành bản án.

[4]. Các bên đương sự đồng ý kết quả mãnh trích đo địa chính số 44-2020 ngày 31-10-2019 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 14-01-2020, đồng ý kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30-10-2019 và kết quả định giá tài sản ngày 30-10-2019. Các đương sự chỉ yêu cầu giải quyết về diện tích đất, không tranh chấp về tài sản và giá trị tài sản trên đất nên Hội đồng xét xử tính án phí trên giá trị đất.

[5]. Tại phiên tòa, bà D1 và bà D rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Việc rút đơn khởi kiện của bà D1, bà D là tự nguyện. Đại diện những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông T không có ý kiến về việc bà D1, bà D rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D1, bà D.

[5.]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông G:

[5.1]. Ông G rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ông T về diện tích đất 92m^2. Đại diện những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông T không có ý kiến về việc ông G rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông G.

[5.2]. Ông G và bà T1 (đồng thời đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T là ông T2, ông T3, ông T4, bà T5) thống nhất nội dung: bà T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T đồng ý giao cho ông G diện tích đất 387 m^2 thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 3, loại đất BHK, xã Mỹ Thạnh

Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, với vị trí tiếp giáp và độ dài cụ thể từng cạnh thể hiện tại khu A của Mảnh trích đo địa chính số 44-2020, độ dài từng cạnh cụ thể như sau:

Đông giáp đường Mỹ Thành dài 17,4m
Tây giáp thửa số 1 phần còn lại dài 17,7 m
Nam giáp thửa số 1 phần còn lại dài 21,5 m
Bắc giáp thửa số 1 phần còn lại dài 22,9 m

Toàn bộ diện tích đất khu A hiện bà T1 đang quản lý nhưng do ông Hồ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số N393483, số vào sổ 01897QSDĐ/064-LA ngày 01-3-1999.

[5.3]. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Với những nhận định trên, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7]. Cũng với những nhận định các mục [4], [5], Hội đồng xét xử cũng chấp nhận toàn bộ đề nghị của người bảo vệ lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của người bảo vệ lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[8]. Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản: tổng cộng 9.143.000 đồng gồm 2.913.000 đồng đo vẽ, 6.230.000 đồng thẩm định và định giá. Tranh chấp gồm 03 khu A, C, D nên chi phí tố tụng chia làm 03 phần, mỗi phần 3.047.666 đồng (đã làm tròn số). Ông G tự nguyện chịu phần ông G tranh chấp với ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà D và bà D1 mỗi người phải chịu 3.047.666 đồng. Bà D và bà D1 mỗi người đã nộp 662.000 đồng và chi phí xong. Còn lại ông G đã nộp tạm ứng và chi phí xong nên bà D và bà D1 mỗi người phải trả lại cho ông G 2.385.666 đồng (theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[9]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí: Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà D1 và bà D. Phần diện tích ông G tranh chấp với ông T án phí là 967.500 đồng (cách tính: 387m^2 x 50.000 đồng/m^2 = 19.350.000 đồng x 5%). Ông G tự nguyện chịu nên toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông G thuộc trường hợp được miễn án phí nên Hội đồng xét xử chỉ miễm 1/2 án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 3 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ông G phải chịu 483.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 228, Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D đối với ông Hồ Văn T về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với diện tích 168m^2.

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D1 đối với ông Hồ Văn T về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với diện tích 265m^2.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn G đối với ông Hồ Văn T về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với diện tích 92m^2.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn G đối với ông Hồ Văn T về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với diện tích 387m^2.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Hồ Văn G với bà Phạm Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T là ông Hồ Thanh T2, ông Hồ Văn T3, ông Hồ Thanh T4, bà Hồ Ngọc T5 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với diện tích đất 387 m^2.

Bà Phạm Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Văn T gồm ông Hồ Thanh T2, ông Hồ Văn T3, ông Hồ Thanh T4, bà Hồ Ngọc T5 có nghĩa vụ giao cho ông Hồ Văn G diện tích đất 387 m^2 thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 3, loại đất BHK, đất tọa lạc tại ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, độ dài từng cạnh cụ thể như sau:

- Đông giáp đường Mỹ Thành dài 17,4m
- Tây giáp thửa số 1 phần còn lại dài 17,7 m
- Nam giáp thửa số 1 phần còn lại dài 21,5 m
- Bắc giáp thửa số 1 phần còn lại dài 22,9 m

Ông Hồ Văn G được trọn quyền sử dụng diện tích đất 387m^2 thuộc một phần thửa 1 tờ bản đồ số 3 xã Mỹ Thạnh Đông loại đất BHK, đất tọa lạc tại ấp 2 xã Mỹ Thạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An là khu A của Mãnh trích đo địa chính số 44-2020 ngày 31-10-2019 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 14-01-2020 (được đính kèm theo bản án).

Đất hiện do bà T1 đang quản lý nhưng ông Hồ Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số N393483, số vào sổ 01897QSDĐ/064-LA của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp ngày 01-3-1999.

Ông Hồ Văn G được quyền kê khai đăng ký diện tích đất được giao theo bản án quyết định của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Văn T là bà Phạm Thị T1, ông Hồ Thanh T2, ông Hồ Văn T3, ông Hồ Thanh T4, bà Hồ Ngọc T5 có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với diện tích đất sử dụng thực tế theo khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013.

- Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Hồ Văn G, bà Huỳnh Thị D, bà Huỳnh Thị D1 mỗi người phải chịu 3.047.666 đồng. Ông G đã nộp tạm ứng và chi phí xong. Buộc bà Huỳnh Thị D và bà D1 mỗi người phải trả lại cho ông G 2.385.666 đồng (hai triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Trả lại cho bà Huỳnh Thị D 675.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008335 ngày 24-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Trả lại cho bà Huỳnh Thị D1 675.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008336 ngày 24-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Ông Hồ Văn G phải chịu 483.750 đồng (bốn trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ án phí với tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008334 ngày 24-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Huệ. Trả lại cho ông G 688.500 đồng (sáu trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.